

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-4-2022

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoài Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Ông Danh Út Nhỏ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.**

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thu B - sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện Gi, tỉnh K.

2. *Bị đơn*: Anh Trần Văn T - sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/11/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thu B trình bày:** Tôi và anh T có tìm hiểu nhau trước được 2 - 3 tháng nên năm 2020 chúng tôi tự nguyện sống chung như vợ chồng, không có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được 01 năm thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu về dùng vũ lực đánh tôi và tôi bị bệnh nên vào tháng 10 năm 2021 tôi về nhà cha mẹ ruột tôi ở và trị bệnh. Sau đó, tôi có về nhà chồng thăm con thì anh T không cho thăm mà còn ngăn cản, do không thăm con được tôi mới làm đơn xin ly hôn với anh T và yêu cầu nuôi con. Đồng thời, tôi và anh T đã ly thân từ

tháng 10 năm 2021 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng tôi là anh Trần Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung tên Trần Hoàng L - sinh ngày 01/4/2021, hiện nay con đang sống với chồng tôi nên tôi yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với chồng tôi là anh Trần Văn T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Trần Hoàng L- sinh ngày 01/4/2021, hiện nay con đang sống với chồng tôi nên tôi yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không yêu cầu thêm gì.

Đối với bị đơn anh Trần Văn T trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần nhưng anh vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về tố tụng:** Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thu B và anh Trần Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh T được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng tại nhà anh T hợp lệ nhưng anh vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên HĐXX xử vắng mặt anh T là phù hợp.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thu B xác lập quan hệ hôn nhân với anh Trần Văn T vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện và không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống đến nay anh chị cũng không có đăng ký kết hôn, do anh chị không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp. Tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thu B và anh Trần Văn T là vợ chồng.

Đối với anh Trần Văn T, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà anh T tổng đạt các văn bản đúng theo qui định của pháp luật nhưng anh T không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của anh. Từ đó, cho thấy anh Trần Văn T đã

biết được nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị Thu Ba. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt anh T theo qui định của pháp luật.

**[3] Về con chung:** Chị Nguyễn Thu B xác định chị và anh Trần Văn T có 01 người con chung tên Trần Hoàng L - sinh ngày 01/4/2021, hiện nay cháu L đang sống với anh T nên chị Thu B yêu cầu được nuôi con nhưng Tòa án triệu tập anh T hợp lệ mà anh T không có mặt tại Tòa án.

Xét về yêu cầu nuôi con của chị Thu B thì thấy rằng: Hiện nay cháu Trần Hoàng L - sinh ngày 01/4/2021 thì cháu long chưa đủ 36 tháng tuổi.

Tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*.

Đối chiếu với quy định trên thì yêu cầu nuôi con của chị Thu B là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận. Do đó, cần buộc anh Trần Văn T giao cháu Trần Hoàng L - sinh ngày 01/4/2021 cho chị Nguyễn Thu B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Văn T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**[4] Về cấp dưỡng nuôi con:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Thu B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX miễn xét.

**[5] Về tài sản chung và nợ chung:** Chị Nguyễn Thu B xác định chị và anh Trần Văn T không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

**[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là:** 300.000 đồng chị Nguyễn Thu B phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị Thu B được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006685 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thu B đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thu B và anh Trần Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Buộc anh Trần Văn T giao cháu Trần Hoàng Long - sinh ngày 01/4/2021 cho chị Nguyễn Thu B được tiếp tục, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Nguyễn Thu B phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị Thu B được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006685 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thu B đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/4/2022).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã H;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hoài Thanh**